

VỀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA CÁC DANH TỪ CÓ THUỘC TÍNH NGHĨA TÍNH TỪ (TRÊN NGỮ LIỆU TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT)

DƯƠNG THỊ DUNG *

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu đặc trưng chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ dựa trên ngữ liệu của các từ điển tiếng Việt. Bằng thủ pháp thống kê và miêu tả, bài viết nghiên cứu nhóm danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ từ góc độ cấu tạo, nguồn gốc và phân loại, qua đó thấy được thực tiễn và khả năng chuyển biến nghĩa của chúng. Để phân tích và diễn giải nhóm danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ, bài báo nghiên cứu trường hợp từ “*cách mạng*” nhằm khái quát đặc trưng cơ bản của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ về cơ sở chuyển biến, sự phân ly về nghĩa và cơ chế chuyển nghĩa.

Từ khóa: Chuyển nghĩa, danh từ, tính từ, thuộc tính, từ điển tiếng Việt

Abstract: The article studies the characteristics of change in meaning of nouns with adjective semantic attributes on the basis of Vietnamese dictionaries. Through statistical and descriptive techniques, the article studies a group of nouns with adjective semantic attributes from the perspective of structure, origin and classification, thereby seeing their practice and ability to change meaning. To analyze and interpret the group of nouns with adjective semantic attributes, the article studies the case of “*cach mang*” to generalize the basic characteristics of nouns with adjective semantic attributes in terms of the basis of semantic change and separation, and mechanism of change of meaning.

Keywords: Change of meaning, nouns, adjectives, attributes, Vietnamese dictionaries.

1. Dẫn nhập

Ngữ nghĩa từ vựng không phải “nhất thành

bất biến”. Trong một môi trường nhất định do sự tác động của một hoặc một số nhân tố nào đó, nghĩa một từ này có thể có thêm nghĩa khác và cao hơn là chuyển thành nghĩa của một từ đồng âm khác. Một trong những đặc trưng điển hình của ngôn ngữ đơn lập là vỏ âm thanh ổn định, không phá vỡ được; vì thế các đơn vị từ vựng mới được tạo nên bằng phương thức *chuyển nghĩa* (*Change Meaning, Shift Meaning*) còn gọi *biến đổi nghĩa* (*Semantic Change*). *Chuyển nghĩa* theo cách hiểu của chúng tôi trong bài báo này được khu trú lại là *sự chuyển biến nghĩa* (*sự biến đổi nghĩa*) trong từ loại thực từ. *Chuyển biến* là “biến đổi sang trạng thái khác với trước, thường là theo hướng tích cực” [4, tr.188]. Như vậy, giá trị của sự chuyển biến nghĩa là sự thay đổi nội dung nghĩa (cụ thể trường hợp nghiên cứu là sự chuyển biến nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ).

Bài viết dựa trên cách hiểu về nghĩa của Gustaf Stern, theo ông: “Sự biến đổi nghĩa như là một sự điều chỉnh theo thói quen của một số lượng người nói tương đối lớn về độ rộng ngữ nghĩa truyền thống của từ ngữ vốn bắt nguồn từ việc sử dụng từ ngữ (1) để trỏ một hoặc một cái chỉ vật trước đây chưa được đề cập, hoặc (2) để biểu hiện một cách hiểu mới lạ về một hoặc hơn một cái chỉ vật” [5, tr.42]. Nói như vậy

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: duongdungtdh@gmail.com

nghĩa là hiện tượng *chuyển biến nghĩa* (*biến đổi nghĩa*) chính là sự biến động về nghĩa từ vựng trong từ loại, một từ vừa có thuộc tính nghĩa của chính từ loại đó, vừa có thuộc tính nghĩa của từ loại khác.

Để chứng minh cho những nhận định đưa ra, bài viết sử dụng ngữ liệu của *Từ điển tiếng Việt* [4]. Bảng thủ pháp thống kê và miêu tả, bài báo nghiên cứu nhóm danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ từ góc độ cấu tạo, nguồn gốc và phân loại, qua đó thấy được thực tiễn và khả năng chuyển biến nghĩa của chúng. Để phân tích và diễn giải nhóm danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ, bài báo nghiên cứu trường hợp từ *cách mạng* nhằm khái quát đặc trưng cơ bản của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ về cơ sở chuyển biến, sự phân ly về nghĩa và cơ chế chuyển nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Kết quả khảo sát nhóm danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ trong *Từ điển tiếng Việt*

Thống kê các đơn vị chuyển biến nghĩa trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (viết tắt: *TDHP*) [4] thu thập được 1.442 đơn vị, trong đó có 336 đơn vị là những *danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ*, chiếm 23,3%. Xét về đặc điểm cấu tạo của những danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ, chúng tôi thống kê được như sau: có 214/336 đơn vị là danh từ đa tiết (chiếm 63,7%), ví dụ: *hàn lâm*, *hạnh phúc*, *hảo tâm*, *hình thức*, *hòa bình*, *hoạn nạn*, *hoang dã*, *hứng thú*,...; trong khi đó danh từ đơn tiết chỉ có 122/336 đơn vị (chiếm tỉ lệ 36,3%), ví dụ: *ma*, *manh₁*, *may₂*, *mảnh*, *mo₁*, *mọt*, *mộc₂*, *mốt₁*, *một*, *mỡ₂*, *mun*, *mút₂*, *mực₂*, *mướp*,... Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế là số lượng từ song âm tiết trong tiếng Việt nhiều hơn số lượng từ đơn âm tiết.

Về nguồn gốc của những danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ, chủ yếu là những từ Hán Việt, có 229/336 đơn vị (chiếm tỉ lệ 68,3%), ví dụ: *anh hùng*, *bác học*, *phúc*, *hạnh phúc*,

khoa học, *xuân*,... Tiếp theo là các từ có nguồn gốc thuần Việt với 102/336 đơn vị (chiếm tỉ lệ 30,3%), ví dụ: *bã*, *bọt*, *bụi*, *cóc*, *rác*, *rủi*, *nhà quê*, *tí xiu*,... Nếu các từ có nguồn gốc Hán Việt chủ yếu là danh từ đa tiết thì các đơn vị có nguồn gốc thuần Việt chủ yếu lại là những danh từ đơn tiết. Những đơn vị có nguồn gốc Ấn Âu có số lượng rất ít, với 5/336 đơn vị (chiếm tỉ lệ 1,4%), chủ yếu là các từ phiên âm như *Bonsevich*, *cà tong*, *logic*, *topo*, *Xô Viết*.

Phân loại nhóm danh từ thuộc tính nghĩa tính từ có thể thấy: danh từ cụ thể có số lượng lớn với 176/336 đơn vị (chiếm 52,4%) và danh từ trừu tượng có số lượng ít hơn với 160/336 đơn vị (chiếm tỉ lệ 47,6%).

Từ kết quả khảo sát trên có thể khái quát như sau: (i) *TDHP* đã thu thập số lượng khá lớn các đơn vị chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ. Điều này cho thấy, bản thân hai từ loại danh từ và tính từ có những *đặc điểm* chung, thuộc về *đặc trưng* của sự vật, hiện tượng, tính chất. Đây cũng là một trong những điều kiện tồn tại của hiện tượng chuyển biến nghĩa. (ii) Các đơn vị chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ có số lượng khá lớn trong tổng số đơn vị mục từ trong từ điển, đây cũng là một trong những thành tố tạo nên cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô của từ điển; (iii) Với sự đa dạng và phức tạp của hiện tượng chuyển biến nghĩa nói chung và chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ nói riêng, *TDHP* đã xử lý khá tốt hiện tượng này về cả hình thức cũng như nội dung.

2.2. Thực tiễn và khả năng chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ

Hiện tượng chuyển biến nghĩa bằng cách tách các nghĩa riêng biệt của danh từ và tính từ trong *TDHP* đã xử lý khá tốt. Có thể kể ra một số trường hợp khác như *khoa học*, *hàn lâm*, *thực tế*, *kính viện*, *thực tiễn*, *tự nhiên*, *hình thức*,... Sau đây là trường hợp cụ thể:

cách mạng. I d. 1 Cuộc biến đổi xã hội -

chính trị lớn và căn bản, thực hiện bằng việc lật đổ một chế độ xã hội lỗi thời, lập nên một xã hội mới, tiến bộ. **2** Cuộc đấu tranh nhằm thực hiện một cuộc cách mạng xã hội. **3** Quá trình thay đổi lớn và căn bản theo hướng tiến bộ trong một lãnh vực nào đó. **4** (viết hoa). Cách mạng tháng Tám (nói tắt). **II** t. Thuộc về cách mạng, có tính chất cách mạng [4, tr.102].

Nội dung ngữ nghĩa của trường hợp từ cách mạng: Dựa vào lời giải thích nghĩa trong *TĐHP*, từ *cách mạng* được ghi nhận có bốn nghĩa khác nhau. Trong đó, nghĩa đầu tiên (Cuộc biến đổi xã hội - chính trị lớn và căn bản, thực hiện bằng việc lật đổ một chế độ xã hội lỗi thời, lập nên một xã hội mới, tiến bộ) là cơ sở để chuyển biến nghĩa tính từ *cách mạng* (Thuộc về cách mạng, có tính chất cách mạng).

Có thể khái quát cấu trúc nghĩa của từ *cách mạng* thành các trường hợp sau:

(I): cách mạng = [(Sự kiện)₁ (có sự biến đổi lớn)₂ (lật đổ cái cũ, thay thế cái mới)₃].

(I'): cách mạng = [(Biến đổi lớn)].

(Để phân biệt các cấu trúc nghĩa khác nhau của các trường hợp phân tích, chúng tôi ký hiệu các cấu trúc là các chữ cái in hoa (I, I'). Dấu () thể hiện nét nghĩa của từ; dấu [] thể hiện cấu trúc nghĩa của từ)

Từ những phân tích thành tố nghĩa của trường hợp từ *cách mạng* có thể thấy: cùng một vỏ âm thanh nhưng có hai nghĩa khác nhau, trường hợp (I) *chỉ về sự kiện* nên thuộc nghĩa của *danh từ*; còn trường hợp (I') *chỉ về đặc trưng biến đổi* thuộc nghĩa của *tính từ*. Trong trường hợp (I), từ *cách mạng* có ba nét nghĩa, trong đó nét nghĩa thứ hai (có sự biến đổi lớn) là nét nghĩa cơ bản để chuyển đổi nghĩa từ nét nghĩa sự vật sang nét nghĩa đặc trưng của từ *cách mạng* của trường hợp (I').

Số lượng các nét nghĩa trong hai cấu trúc khác nhau (trường hợp (I) có ba nét nghĩa và trường hợp (I') chỉ có một nét nghĩa). Trong

đó, trường hợp (I): *nghĩa cơ sở* định danh là nghĩa thứ nhất (chỉ sự kiện); *nghĩa phái sinh định danh* là nghĩa thứ hai (có sự biến đổi lớn) - nét nghĩa cơ bản để chuyển đổi nghĩa từ nét nghĩa sự vật sang nét nghĩa đặc trưng của từ *cách mạng* của trường hợp (I').

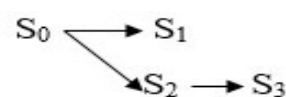
Nghĩa tính chất nội tại của từ *cách mạng* thể hiện chữ in nghiêng trong lời định nghĩa của từ điển tiếng Việt “cuộc biến đổi xã hội - chính trị lớn và căn bản, thực hiện bằng việc lật đổ một chế độ xã hội lỗi thời, lập nên một chế độ xã hội mới, tiến bộ”.

Quy tắc chuyển biến nghĩa của trường hợp từ *cách mạng* là *danh từ biểu thị thuật ngữ chính trị - xã hội* được dùng để chỉ cái gì đó thuộc về bản chất hoặc tính linh hoạt gắn liền với cuộc sống ở con người. Phương thức chuyển nghĩa của trường hợp từ *cách mạng* là ẩn dụ (lấy thuộc tính, tính chất nổi trội vốn có của sự vật để biểu thị tính chất của sự vật khác).

Biểu hiện chuyển biến nghĩa của từ *cách mạng* trong *TĐHP* diễn ra như sau: trong quá trình phát triển nghĩa của từ *cách mạng* xuất hiện nghĩa mới biểu thị tính chất, thuộc tính của từ *cách mạng*, chuyển biến cấu trúc nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ. Con đường phát triển nghĩa của từ này là một từ vừa có thuộc tính nghĩa phản ánh sự kiện, vừa có thuộc tính nghĩa biểu thị tính chất, thuộc tính của sự kiện đó. Đây là con đường *khái quát hóa* trong quá trình phát triển nghĩa, thể hiện sự sáng tạo của cá nhân sử dụng ngôn ngữ trong tiến trình thời gian.

Cấu trúc ngữ nghĩa của từ *cách mạng* được tổ chức theo con đường sau: từ nghĩa 1 (S₀) chuyển sang nghĩa 2 (S₁), từ nghĩa S₀ lại được phái sinh từ nghĩa 1 (S₂ và S₃). Như vậy, có thể hình dung quá trình chuyển biến nghĩa của từ *cách mạng* trong trường hợp (I) theo sơ đồ sau:

(Ký hiệu: S - nghĩa).



Có thể thấy, nghĩa của từ *cách mạng* được biến đổi theo con đường vừa móc xích vừa lan tỏa. Sự chuyển biến nghĩa của trường hợp này theo một hệ thống sơ đồ tuyến tính, từ nghĩa thứ nhất (I) dẫn đến nghĩa thứ hai (I').

Thực tế ngữ cảnh của từ *cách mạng* cũng đã có sự phân tách *nghĩa danh từ* và *nghĩa tính từ*. Xét hai ngữ cảnh sau:

1. *Cách mạng*₁ xã hội chủ nghĩa [4, tr.102].
2. Chính quyền *cách mạng*₂ [4, tr.102].

Qua hai ngữ cảnh trên có thể thấy, từ *cách mạng* có nghĩa khác nhau. Từ *cách mạng*₁ chỉ về một cuộc cách mạng cụ thể trong lịch sử (*cách mạng xã hội chủ nghĩa*) cho nên thuộc về nghĩa sự vật. Từ *cách mạng*₂ biểu thị đặc trưng tính chất của chính quyền cho nên thuộc về nghĩa tính chất. Mỗi liên hệ nghĩa của từ *cách mạng* trong hai ngữ cảnh đều chỉ về thuộc tính (*có sự biến đổi lớn*) mà danh từ *cách mạng*₁ hàm chứa.

Thử khảo sát *Chương trình tra cứu ngữ cảnh tiếng Việt* của Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam¹, có thể thấy: trong 1.000 ngữ cảnh của từ *cách mạng* có 100 đơn vị (chiếm 10%) chuyển biến nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ. Cụ thể: danh từ *cách mạng* có thuộc tính nghĩa tính từ được phân bố ở năm lĩnh vực (*Báo chí* (54/100), *Lịch sử* (21/100), *Văn học* (20/100), *sách văn hóa - chính trị - xã hội* (5/100),...), tuy nhiên, tần số xuất hiện khác nhau. Trong đó xuất hiện nhiều nhất ở lĩnh vực *Báo chí*. Đây là lĩnh vực có số lượng nhiều và tần suất sử dụng cao nhất, bởi vì *Báo chí* là lĩnh vực thuộc ngữ liệu văn viết, số lượng ngữ liệu lớn, phát sinh hiện tượng chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ tương đối lớn, trong đó có từ *cách mạng*. Lĩnh vực *sách văn hóa - chính trị - xã hội* có ngữ cảnh chuyển biến nghĩa của từ *cách mạng* xuất hiện tần số thấp nhất. Ví dụ: “Không ai có thể thay thế nhân dân trong sự lựa chọn tư tưởng *cách mạng*” [1, tr.2].

Như vậy, xét các danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ trong *TĐHP* và cả trong ngữ cảnh sử dụng như đã phân tích ở trên có thể đi đến kết luận: có sự chuyển biến nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ.

2.3. Đặc trưng ngữ nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ

2.3.1. Cơ sở của sự chuyển biến nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ

Xét về mặt nội dung, nghĩa của từ gồm hai loại là *nghĩa biểu đạt* (còn gọi *nghĩa biểu hiện/nghĩa biểu niệm*) và *nghĩa định tính chất*. Nghĩa biểu đạt khái niệm là “nghĩa bản chất của từ, là mối liên hệ giữa từ ngữ âm với ý niệm về sự vật, hiện tượng do từ biểu thị được phản ánh trong nhận thức của con người. Nghĩa khái niệm là kết quả việc con người phản ánh trong nhận thức một sự vật khách quan nào đấy là nội dung mà nghĩa từ chỉ ra” [2, tr.91]. Còn nghĩa định tính chất là “nghĩa được bao hàm trong khái niệm” [2, tr.91]. Từ đó có thể thấy, đối với nghĩa của danh từ là thuộc bình diện nghĩa biểu niệm, còn đối với nghĩa tính từ chủ yếu là nghĩa biểu đạt tính chất.

Nghĩa biểu đạt khái niệm và nghĩa biểu đạt tính chất thể hiện rõ trong từ điển, cụ thể là: nghĩa biểu đạt khái niệm là các lời giải thích nghĩa, còn nghĩa biểu đạt tính chất là các phần in nghiêng được gọi là nghĩa nội tại của từ (nghĩa đen) và nghĩa có tính chất phụ thêm (nghĩa bóng). Để nhận diện những danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ, trong *TĐHP*, chúng được diễn đạt theo cấu trúc: “*có tính chất...*”. Sự khác nhau giữa danh từ và tính từ là danh từ có nhiều đặc tính phức tạp, còn tính từ thì đặc tính ấy đơn giản hơn và số lượng ít hơn.

2.3.2. Sự phân ly về nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ

Sự phân ly về nghĩa của danh từ (nghĩa định danh, khái niệm) có thuộc tính nghĩa tính từ (đặc trưng, tính chất) diễn ra trên ba cấp độ: *nghĩa cơ sở* (nghĩa cơ bản, nghĩa đen)

thuộc về nghĩa định danh, khái niệm; *nghĩa phái sinh định danh* biểu đạt khái niệm (nghĩa biểu niệm) và *nghĩa chuyển* thuộc về đặc trưng. Kết quả của sự chuyển biến nghĩa là: hiện tượng chuyển biến nghĩa trong một từ vừa có thuộc tính đặc trưng thuộc tính nghĩa mà mình đảm nhận (danh từ) vừa có thuộc tính nghĩa của đơn vị từ loại khác (tính từ). Nghĩa mới được hình thành thuộc về đặc trưng, tính chất và nét nghĩa này không còn cấu trúc nghĩa định danh của nghĩa cơ sở.

Các đơn vị chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ có mối liên hệ ngữ nghĩa với nhau. Nghĩa mới được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc và có thêm đặc trưng của nghĩa chuyển. Bên cạnh đó, các mục từ chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ cũng đã có sự biến đổi cấu trúc nghĩa của từ, đặc trưng nghĩa của tính từ đã có tính chất đặc trưng mới, khác với nghĩa của danh từ. Cách định nghĩa của danh từ khai thác nét nghĩa *sự vật*, *hiện tượng* để làm rõ nghĩa của danh từ, còn cách định nghĩa tính từ khai thác nét nghĩa *tính chất*, *đặc trưng* để làm rõ nghĩa cho nó. Nói cách khác, bản chất cấu trúc ngữ nghĩa của tính từ được thể hiện “trong bộ phận đánh giá của nghĩa, là đặc trưng so sánh trong cấu trúc nghĩa của tính từ và sự biểu hiện của chúng trên thang độ, và là đặc trưng trái nghĩa, một đặc trưng biểu lộ rõ nét bản chất ngữ nghĩa của tính từ” [7, tr.27]. Đối với các đơn vị chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ, nét nghĩa ban đầu chỉ thực thể đã bị mất nghĩa mà thay thế vào đó là nét nghĩa tính chất, từ nghĩa thực thể có thêm nghĩa trừu tượng tính chất.

Hiện tượng chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ rất phổ biến, dựa trên nghĩa biểu đạt khái niệm và nghĩa tính chất để nhận biết đặc trưng ngữ nghĩa của danh từ và tính từ. Nghĩa tính chất vốn có của danh từ đã có mối liên hệ giống với nghĩa mới đặc trưng nảy sinh trong quá trình chuyển biến

nghĩa. Trong nghĩa danh từ của nhóm này đã bao hàm nét nghĩa chỉ về thuộc tính và tính chất. Theo đó, các nét nghĩa chỉ về thuộc tính, tính chất mới có khả năng chuyển biến thành nghĩa tính từ. Tuy nhiên, không phải tất cả các đặc tính của danh từ đều được lựa chọn để tham gia vào chuyển hóa lượng tính mà phải dựa vào các đặc tính đầu tiên, nổi bật, và có biểu đạt ngữ nghĩa của đặc tính đó.

2.3.3. Cơ chế chuyển biến nghĩa của các đơn vị danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ

Việc chuyển biến nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ có tính quy tắc, nhất quán, đồng loạt: các từ chỉ người được dùng để biểu thị những tính cách, đặc điểm điển hình, ví dụ: *anh hùng*, *bình dân*, *bác học*, *đế vương*,...; danh từ biểu thị thuật ngữ chính trị - xã hội được dùng để chỉ cái gì đó thuộc về bản chất hoặc tính linh hoạt gắn liền với cuộc sống ở con người, ví dụ: *cách mạng*, *thực tiễn*, *tự nhiên*, *hình thức*,...; danh từ trừu tượng biểu thị quan điểm đánh giá may, tốt về hoàn cảnh, các phạm trù đạo đức được dùng để biểu thị tính chất, hoàn cảnh, đạo đức tương ứng, ví dụ: *phúc*, *hạnh phúc*, *phúc đức*, *nhân đạo*,...; danh từ chỉ địa điểm, nơi chốn ở vùng xa trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa được dùng để biểu thị tính chất mộc mạc, chân chất của con người, ví dụ: *quê*, *nhà quê*, *hoang dã*, *nguyên sinh*,...; danh từ chỉ sự vật dùng để làm căn cứ khi làm cái gì hoặc có tính chuẩn mực được dùng để chỉ tính chất chuẩn mực rập khuôn trong tính cách, hoạt động của con người, ví dụ: *sách vở*, *máy móc*, *mực thước*, *chuẩn*, *chuẩn mực*,...; danh từ chỉ lối sống lang thang, vất vưởng được dùng để biểu thị cho phong cách, tính chất đó, ví dụ: *bụi*, *lầy*, *lắm*,...; danh từ chỉ bộ phận cơ thể người có chức năng nhất định được dùng để chỉ đặc điểm nào đó về mặt tâm lý, tính cách của con người, ví dụ: *gan*, *gan ruột*, *đầu óc*,...

Phương thức chuyển biến nghĩa cơ bản là theo sự liên tưởng tương đồng - ẩn dụ (*anh*

hùng, bình dân, cách mạng, phúc, quê, sách vở, bụi,...) và liên tưởng tương cận - hoán dụ (*gan, gan ruột, đầu óc,...*).

Cơ chế chuyển biến nghĩa của các danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ thường diễn ra theo các hướng: (i) *Mất nghĩa*, quá trình mất nghĩa có thể hoàn toàn hoặc không hoàn toàn. (ii) *Thay đổi* tính chất một số nét nghĩa trong cấu trúc nghĩa của từ. (iii) *Thu hẹp nghĩa* biểu hiện số lượng nét nghĩa và nội dung nghĩa của nghĩa chuyển sẽ ít hơn nghĩa cơ sở. (iv) *Mở rộng nghĩa*, tức là *thêm* hoặc *phát triển* một hoặc một số nét nghĩa của từ trong nghĩa chuyển so với nghĩa cơ sở. Trên đây là bốn cơ chế chuyển biến nghĩa cơ bản của các danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ, trong đó phổ biến là *mở rộng nghĩa* và *thu hẹp nghĩa*.

Hiện tượng chuyển biến nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ do các nguyên nhân sau: (i) *Đặc trưng nghĩa từ loại*: Danh từ dùng để chỉ thực thể (sự vật), là một sự biểu đạt cụ thể; nhưng tính từ lại dùng để biểu thị thuộc tính (tính chất), là một loại miêu tả trừu tượng. Sự vật cụ thể luôn được con người dễ nhận thức hơn tính chất trừu tượng. Do vậy, khi sự vật được thể hiện nổi bật với một thuộc tính nào đó thì tính chất của nó nhất định cùng thuộc tính (với nó) mà thể hiện. Trong quá trình sử dụng, nghĩa của danh từ đó sẽ nảy sinh ra nghĩa mới biểu thị đặc trưng tính chất. (ii) *Đặc trưng nghĩa của danh từ*: Danh từ vừa có nghĩa định danh khái niệm dùng để biểu đạt một sự vật hoặc một loại sự vật nào đó; vừa có tính chất nghĩa được hình thành từ nghĩa gốc được dùng để biểu đạt đặc trưng, tính chất của một sự vật hoặc một loại sự vật nào đó. (iii) *Nhu cầu tiết kiệm ngôn ngữ*, một từ biểu thị được các ý nghĩa khác nhau (sự vật và đặc trưng). (iv) *Sự phát triển của xã hội*, thói quen và nhu cầu biểu đạt, tiếp nhận thông tin mới.

Từ những phân tích và chứng minh trên đã rút ra các đặc trưng ngữ nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ về cơ sở ngữ nghĩa,

sự phân ly về nghĩa, cơ chế biến đổi nghĩa và nguyên nhân của sự chuyển biến nghĩa.

3. Kết luận

Bài viết đã chứng minh có sự chuyển biến nghĩa của danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ trên cơ sở xét những danh từ bao hàm nét nghĩa chỉ thuộc tính và phẩm chất, vì chỉ những danh từ có những nét nghĩa chỉ thuộc tính, phẩm chất mới có khả năng chuyển biến nghĩa tính từ. Nghĩa tính chất vốn có của những danh từ này có mối liên hệ với nghĩa tính chất được nảy sinh trong quá trình chuyển biến nghĩa. Phương thức chuyển biến nghĩa của các trường hợp nghiên cứu là *ẩn dụ* và *hoán dụ*.

Để xác định các đơn vị chuyển biến nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ cần: (i) Dựa vào thuộc tính nội dung để phân biệt nghĩa (nghĩa phái sinh của các đơn vị chuyển biến nghĩa). Đặc trưng nghĩa có sự chuyển biến thuộc vào phạm vi khác (vốn là danh từ nhưng có phạm vi nghĩa của tính từ). (ii) Dựa vào nội dung nghĩa trừu tượng (phạm vi ngữ nghĩa học). Sự biến đổi về số lượng nghĩa (đơn nghĩa, đa nghĩa) và hàm nội dung nghĩa theo trục thời gian biểu hiện qua các từ điển giải thích tiếng Việt. Như vậy, khi một từ phái sinh chuyển biến nghĩa thì cần hai điều kiện: *Một là*, bản thân từ đó được sử dụng với tần số cao (tức là từ đó thường dùng) trong tiếng Việt; *Hai là*, từ phái sinh chuyển biến nghĩa phải thuộc vào một nội dung nghĩa mới và có tần suất sử dụng cao. Sau khi chuyển biến nghĩa, các từ có nghĩa chuyển dần dần ổn định và được cố định hóa trong vai trò chức năng mới của mình.

Hiện tượng chuyển biến nghĩa danh từ có thuộc tính nghĩa tính từ nói riêng và hiện tượng chuyển biến nghĩa nói chung có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn. *Về ý nghĩa lý luận*, trường hợp nghĩa phát triển xa so với nghĩa cơ sở trong đa nghĩa từ vựng thì có thể xử lý phái sinh quan hệ, liên hệ nghĩa từ. Kết quả là góp phần bổ

⇒ Xem tiếp trang 45